TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2022/HNGĐ- ST
Ngày : 05.8.2022
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Hà**
2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 106/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ H,** sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Duy T,** sinh năm 1977
Địa chỉ: 26/42 Lạc Long Quân, tổ 2, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chị H, anh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Duy T chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/10/2011. Sau khi kết vợ chồng không nhập khẩu chung, chủ yếu sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, làm công nhân khoảng 09 năm, thỉnh thoảng các ngày lễ, tết thì vợ chồng mới về thị trấn L tham gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2021, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn, lý do anh T đi làm xa, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã ăn ở với người đó.

Anh T có về xin lỗi, xin chị H tha thứ nhưng chỉ được hơn 01 tháng anh T vẫn tiếp tục qua lại với người phụ nữ đó. Từ tháng 11/2021 đến nay vợ chồng ly thân, phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Qúa trình chung sống đến nay chị H và anh T không có tài chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị H và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết

Tại đơn yêu cầu vắng mặt ngày 14/7/2022, anh Nguyễn Duy T trình bày đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Các vấn đề khác về con chung, tài sản chung, nợ chung anh T không đề cập gì trong đơn gửi Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/6/2022 nhưng nhưng không được, chị H có đơn yêu cầu vắng mặt, anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Duy T được ly hôn. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H và bị đơn anh Nguyễn Duy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Duy T chung sống với nhau từ 2011, chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/10/2011. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình cần được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chủ yếu sống tại Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, cuộc sống hôn nhân bình thường, hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay không hàn gắn được. Chị H trình bày anh T có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Anh T được triệu tập đến làm việc nhưng không đến. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng chị H có đơn xin vắng mặt, không hàn gắn đoàn tụ, anh T vắng mặt không lý do. Đến ngày 18/7/2022 anh T gửi đơn trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị H và yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử cần cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Chị H trình bày quá trình chung sống chị và anh T không có con chung và không yêu cầu giải quyết, anh T không trình bày gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H trình bày quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, anh T không trình bày gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày quá trình chung sống chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh T không trình bày gì về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Duy T về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Duy T được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp

tại biên lai nộp tiền số 0004400 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy